

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 774/BC-STNMT ngày 16/12/2022 về kết quả giải quyết các thủ tục hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết 21 thủ tục hành chính (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

**Thời gian thực hiện ủy quyền: kể từ ngày 01/01/2023 cho đến khi có văn bản khác thay thế.**

**Điều 2.** Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Quảng Nam cấu hình quy trình nội bộ trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh và tổ chức thực hiện việc giải quyết các thủ tục hành chính được ủy quyền theo đúng quy định; được phép sử dụng con dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền; thường xuyên tổng hợp kết quả, thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC&CĐS tỉnh;
- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm QTI;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, TTPVHCC, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**

## **Phụ lục**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số #sov /QĐ-UBND ngày #nbh /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

### **DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ỦY QUYỀN SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG GIẢI QUYẾT**

1. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup> /ngày đêm;
2. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>2</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m<sup>3</sup>/ngày, đêm;
3. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;
4. Đăng ký khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch;
5. Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;
6. Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản;
7. Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;
8. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản;
9. Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản;
10. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp;
11. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện;
12. Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế;
13. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
14. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;
15. Cấp giấy phép môi trường;
16. Cấp lại giấy phép môi trường;
17. Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;
18. Cấp giấy phép trao đổi, mua bán, tặng, cho thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ;

- 19.** Cấp đổi giấy phép môi trường;
- 20.** Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường;
- 21.** Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho tổ chức (theo khoản 1, Điều 105, Luật Đất đai).